

Bản án số:02/2022/HNGĐ-ST
Ngày:10/01/2022
V/v tranh chấp: “Ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quy và bà Trần Thị Luận

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Huân- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2021 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐHPTST-DS ngày 04/01/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1994.

ĐKTT: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Hiện cư trú tại: Thôn A1, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Như H2, sinh năm 1989

ĐKHKT và cư trú tại: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chị H1 có mặt; anh H2 vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970

Trú tại: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bà Đinh Thị N, sinh năm 1973

Trú tại: Thôn A1, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H1 trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Như H2 trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/01/2020. Sau khi cưới anh chị sống cùng bố mẹ anh H2 ở thôn A, xã C. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng nhất là trong việc làm ăn kinh tế, chuyện tiền nong và nuôi dạy con. Anh H2 nợ nần do chơi bời. Có lần còn lấy cả tiền trong tài khoản của chị mà chị không biết dẫn đến việc vợ chồng không có sự tin tưởng nhau trong cuộc sống. Ngoài ra, anh chị thường xuyên đả2 cãi nhau, anh H2 đã có lần đả2 chị vô cớ nên chị không thể chịu được cuộc sống vợ chồng như vậy buộc chị phải bế con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A1 sinh sống. Sau khi về nhà bố mẹ đẻ, giữa anh chị không liên lạc với nhau, gia đình hai bên cũng không còn quan tâm, hỏi han gì đến nhau nữa. Nay chị nhận thấy giữa anh chị thực sự không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng và đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh H2.

Về con chung: chị và anh H2 có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A2, sinh ngày 18/8/2020. Hiện con đang do chị H1 nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án tiếp tục giao cho chị được nuôi con. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân công ty TNHH TOYODENSO Việt Nam ở KCN N, lương bình quân khoảng gần 05 triệu đồng/tháng. Ngoài ra, chị còn làm T bán quần áo online thu nhập T khoảng 3 triệu đồng/tháng đủ để mẹ tôi con sinh sống. Hiện chị đang ở cùng bố mẹ đẻ ở thôn A1, bố mẹ chị còn trẻ luôn hỗ trợ chị về chỗ ăn, chỗ ở. Mẹ con chị đang ở một phòng riêng với đầy đủ tiện nghi phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của mẹ con chị. Bố mẹ chị cũng giúp chị trong việc trông nom, chăm sóc con khi chị đi làm.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H2 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, Tòa án không lấy được lời khai của anh H2 được.

Lời khai của bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh H2) xác định: Chị H1 và anh H2 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào năm 2020. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình bà ở thôn A. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhau, thường xuyên cãi vã, xô xát nhau nhưng nguyên nhân chính dẫn đến việc chị H1 xin ly hôn anh H2 bà không nắm được. Khoảng tháng 8/2021 chị H1 tự nhiên bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A1 sinh sống. Kể từ khi chị H1 về nhà bố mẹ đẻ đến nay chị H1 không quan tâm đến gia đình bà, cũng không gọi điện hay về thăm nhà. Trước khi, chị H1 bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở

bà cũng đã khuyên giải anh chị nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị không thay đổi. Khi Tòa án gửi giấy triệu tập anh H2 đến Tòa án làm việc anh H2 đều nhận được nhưng bà không hiểu lý do vì sao anh H2 không đến. Việc ly hôn do anh chị H1, H2 tự quyết định bà không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị H1, H2 có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A2, sinh ngày 18/8/2020, hiện cháu đang ở với chị H1 và ông bà ngoại. Việc nuôi con bà đề nghị giải quyết theo pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng bà được biết anh chị Huê, H2 không có tài sản gì chung.

Lời khai của bà Đinh Thị N(mẹ đẻ chị H1)xác định: Bà được biết quá trình chung sống vợ chồng giữa anh chị H1, H2 thường xuyên cãi vã nhau. Cứ ở được một thời gian chị H1 lại về nhà bà ở cụ thể là thời gian chị H1 mang bầu, nuôi con nhỏ.Chị H1 cứ về nhà bà ở rồi lại quay về nhà anh H2 sinh sống. Lần gần đây nhất là vào khoảng tháng 9 dương lịch năm 2021 chị H1 bế con về nhà bà sinh sống. Khi ở nhà bà mỗi lần anh H2 đến thăm con là lại gây sự với chị H1, chửi bới, tát chị H1 trước mặt bà và con. Trước khi có những sự việc này xảy ra bà đã khuyên giải anh H2, chị H1 nhiều lần nhưng anh H2, chị H1 vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên đA2 cãi chửi nhau. Nay chị H1 làm đơn xin ly hôn anh H2 bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Giải quyết cho chị H1 được ly hôn với anh H2 để anh chị ấy sớm ổn định cuộc sống.Hiện mẹ con chị H1 đang ở cùng gia đình bà. Gia đình bà dành cho mẹ con chị H1 một ngôi nhà cấp 4 ở thôn A1, xã C với đầy đủ tiện nghi sinh hoạt. Ngoài ra, bà làm ruộng trừ những ngày mùa ra bà đều có thời gian rảnh để hỗ trợ chị H1 việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Cháu A2 còn nhỏ dưới 3 tuổi, lại là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H1 được tiếp tục ở với mẹ để ổn định cuộc sống.

Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Chị H1, anh H2 có đăng ký kết hôn năm 2020 tại UBND xã C. Nay chị H1 xin ly hôn anh H2tại Tòa án nhân dân huyện N, UBND xã không nắm được mâu thuẫn vợ chồng vì khi gửi đơn chị H1 không yêu cầu hòa giải cơ sở. Địa phương chỉ nắm được hiện chị H1 và con gái đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A1 sinh sống còn anh H2 vẫn ở nhà bố mẹ đẻ anh H2 ở thôn A. Chị H1làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh tại Công an xã C thể hiện: Chị H1, anh H2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương. Anh H2 làm nghề tự do, sáng đi, tối về còn chị H1 về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A1 sinh sống.

Tại phiên tòa chị H1 có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H2; về con chung chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Ngọc A2, sinh ngày 18/8/2020, chị tự nguyện không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình hai bên chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Như H2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H2 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H1, Xử cho chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn với anh Nguyễn Như H2; về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A2, sinh ngày 18/08/2020 cho chị Nguyễn Thị H1 tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị H1 tự nguyện không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H2 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về án phí: Chị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H1 có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Nguyễn Như H2, anh H2 có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh H2 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh H2 và người thân của anh H2 tuy nhiên anh H2 vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án không có lý do. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên

tòa và giấy triệu tập cho anh H2 nhưng anh H2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh H2 là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Như H2 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị H1 và anh H2 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, bất đồng trong việc làm ăn cũng như nuôi dạy con cái, vợ chồng thường xuyên xô xát nhau và đã có việc anh H2 chửi bới, tát chị H1 trước mặt con dẫn đến việc vợ chồng không còn tin tưởng nhau, tôn trọng nhau trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án, anh H2 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên anh H2 đã không đến làm việc, Tòa án không thể thực hiện tiến hành lấy lời khai và hoà giải, điều đó chứng tỏ anh H2 cũng không tha thiết tìm biện pháp cải thiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy, anh H2 và chị H1 không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vợ chồng chị H1, anh H2 đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay, anh H2 vắng mặt nên HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn anh Nguyễn Như H2 là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A2, sinh ngày 18/8/2020. Chị H1 có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng tiền nuôi. Hiện nay con chung đang do chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu A2 đang ở ổn định với chị H1, cháu lại là con gái và dưới 36 tháng tuổi; chị H1 có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định nên cần giao cháu A2 cho chị H1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; đồng thời chấp nhận sự tự nguyện của chị H1 không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng cho con chung là đảm bảo quyền lợi cho con chung và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị H1 xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H1 xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, 227, 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H2 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H1

- *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn với anh Nguyễn Như H2

- *Về con chung*: Xử: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A2, sinh ngày 18/8/2020 cho chị Nguyễn Thị H1 tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị H1 tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Như H2 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H2 được quyền thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0003509 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Chị H1 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh H2 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện N để lưu hồ tịch;
- Lưu hồ sơ.

**TM. H2 ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Diệp